

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 1193/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 10 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Đắk Hà**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 54/TTr-SKHĐT ngày 16/9/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Đắk Hà.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 28/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Đắk Hà.

Điều 3. Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Hà chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, KT5, NNTN3,2

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hải

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
LÂM NGHIỆP ĐẮK HÀ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1193/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 09 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Đắk Hà do Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum làm chủ sở hữu (sau đây viết tắt là Công ty).

2. Trong phạm vi Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "Công ty thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum" là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định thành lập;

b) "Chủ sở hữu công ty" là từ gọi tắt của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;

c) "Đơn vị trực thuộc" là các đơn vị hạch toán phụ thuộc nằm trong cơ cấu Công ty;

d) "Vốn Điều lệ Công ty" là do Chủ sở hữu đầu tư và ghi tại điều lệ Công ty;

e) "Nghị định 91/2015/NĐ-CP" là Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại Doanh nghiệp;

f) "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH11 ngày 26/11/2014;

g) Các từ, thuật ngữ khác cần được viết tắt, giải thích trong Điều lệ.

3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp, pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các văn bản khác có liên quan sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

4. Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 2. Tên doanh nghiệp, trụ sở chính

1. Tên doanh nghiệp:

a) Tên giao dịch bằng tiếng Việt:

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP ĐẮK HÀ;

b) Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

DAK HA FORESTRY SINGLE MEMBER LIABILITY LIMITED

COMPANY;

c) Tên viết tắt: DAKHA FORESCO.

2. Trụ sở chính của Công ty:

a) Địa chỉ: xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum;

b) Điện thoại: 0603. 863881;

c) Fax: 0603. 911403.

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Đăk Hà do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum làm Chủ sở hữu. Công ty được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH11 ngày 26/11/2014 và pháp luật có liên quan.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, hạch toán kinh tế độc lập và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và làm các nghĩa vụ đối với Nhà nước Việt Nam. Chủ sở hữu Công ty chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty.

3. Công ty có thể thành lập liên doanh với các tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước khi được sự nhất trí bằng văn bản của Chủ sở hữu Công ty và được sự chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu:

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Hà được thành lập vì mục đích kinh doanh thu lợi nhuận và hoạt động công ích, không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh, làm vai trò nòng cốt trong sản xuất lâm nghiệp, bảo vệ và phát triển rừng, thu hút nhân dân cư trú trên địa bàn, đặc biệt là dân tộc ít người tham gia vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhằm tạo công việc làm cho các đối tượng này, tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Đồng thời thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Ia H'Drai nói riêng và của tỉnh Kon Tum nói chung.

2. Nhiệm vụ:

Nhiệm vụ chính của Công ty là sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích. Ngoài ra, Công ty được phép thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật, được huy động các nguồn tài chính phục vụ quản lý bảo vệ và phát triển rừng, được tận dụng sản phẩm từ rừng theo Quy chế quản lý rừng, thực hiện các dự án lâm nghiệp, nông nghiệp, chăn nuôi để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trên cơ sở có sự tham gia, liên kết của cộng đồng, người dân để tạo ra chuỗi giá trị có sức cạnh tranh trong bối cảnh nền kinh tế thị

trường, hội nhập hiện nay.

3. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4290); Trồng cà phê (0126); Hoạt động dịch vụ trồng trọt (0161); Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (1610); Trồng và chăm sóc rừng (0210); Trồng cây gia vị, cây dược liệu (0128); Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (0222); Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (Trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (4620); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (4663); Hoạt động dịch vụ chăn nuôi (0162); Khai thác gỗ (0221); Xây dựng nhà các loại (4100); Trồng cây cao su (0125); Xây dựng công trình giao thông (4210).

Việc kinh doanh các lĩnh vực ngoài ngành (*các mã ngành 4100, 4620, 4663, 4210, 4290, 0125, 0126, 0128, 0162*) phải được chủ sở hữu công ty thống nhất chủ trương.

4. Phạm vi hoạt động:

a. Công ty hoạt động kinh doanh trên toàn lãnh thổ của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu của Công ty theo quyết định của Chủ sở hữu và trong phạm vi pháp luật cho phép.

Điều 5. Mức vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ do Chủ sở hữu Công ty đầu tư tại thời điểm thành lập là: 5.590.000.000 đồng (*Năm tỷ, năm trăm chín mươi triệu đồng*).

Việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý tài chính đối với Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 6. Chủ sở hữu nhà nước

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum là chủ sở hữu Công ty.

Việc phân công, phân cấp, giao nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ sở hữu Nhà nước đối với Công ty theo quy định tại Nghị định số 99/2012/NĐ-CP.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Giám đốc Công ty.

Điều 8. Quản lý nhà nước

Công ty chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

Chương II **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY**

Điều 10. Quyền của Công ty

1. Quyền đối với vốn và tài sản:

a) Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt vốn và tài sản của Công ty để kinh doanh, thực hiện các lợi ích hợp pháp từ vốn và tài sản của Công ty theo quy định của pháp luật;

b) Được sử dụng vốn, tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý và sử dụng các tài sản, nguồn lực là đất đai, tài nguyên được Nhà nước giao hoặc cho thuê theo quy định của pháp luật để hoạt động kinh doanh và thực hiện các hoạt động công ích khi được Nhà nước yêu cầu;

d) Nhà nước không điều chuyển vốn nhà nước đầu tư tại Công ty và vốn, tài sản của Công ty theo phương thức không thanh toán, trừ trường hợp quyết định tổ chức lại Công ty hoặc thực hiện mục tiêu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

đ) Thực hiện các quyền khác đối với vốn và tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Quyền trong kinh doanh:

a) Kinh doanh những ngành, nghề, lĩnh vực quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng, nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Tìm kiếm thị trường, khách hàng trong nước và ngoài nước và ký kết hợp đồng;

c) Quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ của Công ty, trừ những sản phẩm, dịch vụ công ích và những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá;

d) Quyết định các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định khác có liên quan; sử dụng vốn, tài sản của Công ty để liên doanh, liên kết, góp vốn vào doanh nghiệp khác;

đ) Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác theo quy định của pháp luật;

g) Tuyển chọn, ký kết hợp đồng lao động; bố trí, sử dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động; lựa chọn hình thức trả lương, thưởng cho người lao động trên cơ sở hiệu quả sản xuất, kinh doanh và các quy định của pháp luật về lao động, tiền lương, tiền công;

h) Xây dựng, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, đơn giá tiền lương và chi phí khác trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật;

i) Thực hiện các quyền khác trong kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Quyền về tài chính:

a) Việc huy động sử dụng vốn vay đúng mục đích, tự chịu mọi rủi ro và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình huy động, quản lý, sử dụng vốn vay và trả nợ đúng hạn. Nhà nước không chịu trách nhiệm nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản nợ do doanh nghiệp trực tiếp vay, trừ các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh;

b) Chủ động sử dụng vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty; được thành lập, sử dụng và quản lý các quỹ của Công ty theo quy định của pháp luật;

c) Quyết định trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên tắc mức trích khấu hao tối thiểu phải bảo đảm bù đắp hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình của tài sản cố định và không thấp hơn tỷ lệ trích khấu hao tối thiểu do Bộ Tài chính quy định;

d) Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá hoặc các chế độ ưu đãi khác của Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ hoạt động công ích, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước không đủ bù đắp chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ này của Công ty;

đ) Được hưởng các chế độ ưu đãi đầu tư, tái đầu tư theo quy định của pháp luật;

e) Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;

g) Sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, chuyển lỗ theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập Quỹ dự phòng tài chính, phần lợi nhuận thực hiện còn lại được phân chia và sử dụng theo quy định của pháp luật. Trường hợp Công ty còn nợ đến hạn phải trả mà chưa trả hết thì chỉ được tăng lương, trích thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả người quản lý sau khi đã trả hết nợ đến hạn;

h) Chuyển nhượng, thanh lý, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền của Công ty trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn và theo quy định của pháp luật;

i) Có các quyền khác về tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Quyền tham gia hoạt động công ích:

a) Trên cơ sở đặt hàng, giao kế hoạch của Nhà nước, Công ty có nghĩa vụ tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ công ích đúng đối tượng, theo giá và phí do Nhà nước quy định;

b) Đối với nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao, Công ty được bảo đảm điều kiện vật chất tương ứng;

Đối với các sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng thì Công ty được sử dụng phí hoặc doanh thu từ cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo đặt hàng của Nhà nước để bù đắp chi phí hợp lý phục vụ hoạt động công ích và bảo đảm lợi ích cho người lao động. Trường hợp không đủ thì được Nhà nước cấp bù phần chênh lệch;

c) Xây dựng, áp dụng các định mức chi phí, đơn giá tiền lương trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

d) Có các quyền khác về tham gia hoạt động công ích theo quy định của pháp luật.

5. Quyền quản lý lao động:

Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý lao động, tiền lương trong Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 11. Nghĩa vụ của công ty

1. Nghĩa vụ về vốn và tài sản:

a) Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư và vốn Công ty tự huy động, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số tài sản của Công ty. Thực hiện chế độ quản lý và sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận và các chế độ quản lý tài chính khác theo quy định của Nhà nước và có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư. Mọi biến động về tăng, giảm vốn nhà nước đầu tư Công ty phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính để theo dõi, giám sát;

b) Định kỳ hàng năm phải đánh giá mức độ bảo toàn vốn của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ trong kinh doanh:

a) Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký;

b) Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;

c) Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động và quyền tham gia quản lý Công ty của người lao động theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Chủ sở hữu Công ty;

đ) Tuân theo các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hóa, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường;

e) Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho tài sản, trách nhiệm, con người của Công ty trong sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật;

g) Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương; đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động, Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác;

h) Chịu sự giám sát, kiểm tra của Chủ sở hữu Công ty; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

i) Chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty về việc sử dụng vốn đầu tư để thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác;

k) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và được Nhà nước giao.

3. Nghĩa vụ về tài chính:

a) Quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn kinh doanh, tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do Nhà nước giao, cho thuê;

b) Chấp hành đầy đủ chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, các quỹ, chế độ hạch toán kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp pháp đối với các hoạt động tài chính của Công ty;

c) Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, công khai tài chính hàng năm và cung cấp các thông tin cần thiết để đánh giá trung thực về hiệu quả hoạt động của Công ty;

d) Hạch toán các hoạt động kinh doanh và hoạt động công ích theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

đ) Thực hiện các nghĩa vụ khác về tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Nghĩa vụ khi tham gia hoạt động công ích:

a) Nhận nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao hoặc đặt hàng;

b) Cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ theo đúng phạm vi, đối tượng, giá và phí mà Nhà nước quy định;

c) Thực hiện việc ký kết hợp đồng và hạch toán kinh tế, thanh quyết toán theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Nhà nước về kết quả hoạt động công ích của Công ty; chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về sản phẩm, dịch vụ công ích do Công ty trực tiếp thực hiện và cung ứng;

d) Thực hiện các nghĩa vụ công ích khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Mục 1: QUYỀN, TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 12. Quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu đối với Công ty

1. Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh của Công ty; Quyết định việc tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty phù hợp với Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Phê duyệt chủ trương thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty.

2. Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty.

3. Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của công ty.

4. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch Công ty và Giám đốc, Kiểm soát viên.

5. Thống nhất chủ trương đối với việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh Phó giám đốc công ty, kế toán trưởng.

6. Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm.

7. Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ trở lên của Công ty.

8. Thực hiện các quyền theo quy định của pháp luật về quản lý lao động, tiền lương trong công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

9. Chấp thuận đề Chủ tịch Công ty phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

10. Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng của Công ty. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh được giao và kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Đánh giá đối với Chủ tịch Công ty, Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong việc quản lý, điều hành Công ty.

11. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 13. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với Công ty

1. Chủ sở hữu Công ty có nghĩa vụ đầu tư đủ vốn điều lệ cho Công ty.

2. Chủ sở hữu Công ty có trách nhiệm đôn đốc việc báo cáo thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. Trường hợp trong năm Công ty không thực hiện báo cáo hoặc chậm báo cáo mà không có lý do chính đáng, Chủ sở hữu sẽ xem xét việc chấp hành chế độ báo cáo của Công ty khi thực hiện xếp loại Công ty năm đó.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty: Chủ sở hữu Công ty có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ Công ty và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những quyết định không đúng thẩm quyền.

4. Về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác:

a) Chủ sở hữu Công ty có nghĩa vụ về các khoản nợ và tài sản khác trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty. Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty phải quản lý và điều hành Công ty bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác; xác định và tách biệt tài sản của Chủ sở hữu Công ty và tài sản của Công ty;

b) Chủ sở hữu Công ty thực hiện giám sát, kiểm tra, đánh giá các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty. Trường hợp phát hiện Công ty gặp khó khăn trong thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Chủ sở hữu Công ty yêu cầu và chỉ đạo Công ty có đề án khắc phục và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định;

c) Khi Công ty lâm vào tình trạng phá sản, Chủ sở hữu Công ty chỉ đạo Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty thực hiện thủ tục yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

5. Phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay:

a) Chủ sở hữu Công ty có nghĩa vụ thực hiện đúng thẩm quyền, đúng pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của Công ty; giám sát thực hiện các quyết định và phê duyệt của mình;

b) Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty phải thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của Công ty theo đúng chủ trương phê duyệt và quy định của pháp luật.

6. Nghĩa vụ bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của Công ty:

Chủ sở hữu có nghĩa vụ bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của Công ty; bảo đảm để Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty chủ động quản lý, điều hành có hiệu quả Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 14. Hạn chế đối với quyền của Chủ sở hữu đối với Công ty

1. Chủ sở hữu Công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã đầu tư ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

2. Chủ sở hữu Công ty không được rút lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Mục 2: KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 15. Nguyên tắc hoạt động và chế độ làm việc của Kiểm soát viên

1. Nguyên tắc hoạt động:

a) Kiểm soát viên hoạt động độc lập về nghiệp vụ, tuân thủ pháp luật và chỉ đạo của Chủ sở hữu Công ty. Chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình trước pháp luật và trước Chủ sở hữu Công ty, đảm bảo tính khách quan trung thực của các báo cáo, các kết luận giám sát và đề xuất của mình khi thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Kiểm soát viên;

b) Tôn trọng pháp luật và đảm bảo hoạt động bình thường, không gây gián đoạn trong hoạt động của Công ty;

c) Không được tiết lộ kết quả kiểm soát, không được tiết lộ bí mật của Công ty trong thời gian thực hiện chức năng, nhiệm vụ Kiểm soát viên và trong thời hạn tối thiểu là 02 năm sau khi thôi chức vụ Kiểm soát viên.

2. Chế độ làm việc:

a) Kiểm soát viên có nhiệm kỳ không quá 05 năm và được Chủ sở hữu Công ty xem xét bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ và đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện của Kiểm soát viên.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và đánh giá hoạt động của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

b) Kiểm soát viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

Điều 16. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp hoặc là người có liên quan theo quy định tại điểm a, c và d khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn bậc đại học trở lên, có khả năng thực hiện kiểm soát và kinh nghiệm nghề nghiệp về tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc cử nhân luật, kinh nghiệm thực tế về quản lý điều hành, đầu tư trong ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty từ 03 năm trở lên và tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ này.

3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ Kiểm soát viên.

Nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của Kiểm soát viên được thực hiện theo Điều 5, 6 và 7 của Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2013/QĐ-TTg ngày 07/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 18. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được hưởng tiền lương, thù lao và lợi ích khác theo kết quả hoạt động kiểm soát, kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty.
2. Chủ sở hữu quyết định mức và chi trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ và quy định của pháp luật.
3. Chế độ chi trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.
4. Kiểm soát viên được hưởng chế độ ưu đãi, phúc lợi và tham gia các hoạt động của Công ty như cán bộ, nhân viên khác tại Công ty.

Điều 19. Miễn nhiệm, thay thế Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Bị Tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;
 - b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - c) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Công ty;
 - d) Quyết định vượt thẩm quyền gây hậu quả nghiêm trọng đối với lợi ích của Chủ sở hữu Công ty và hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - đ) Không thực hiện nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
2. Kiểm soát viên được thay thế trong những trường hợp sau đây:
 - a) Xin từ chức và được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận bằng văn bản theo đúng quy định của pháp luật;
 - b) Khi có quyết định nghỉ hưu, điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;
 - c) Bị miễn nhiệm theo quy định tại Khoản 1 của Điều này.

Chương IV

TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành Công ty

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Công ty gồm:
 - a) Chủ tịch Công ty;
 - b) Giám đốc;
 - c) Các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
 - d) Bộ máy giúp việc.
2. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Công ty có thể thay đổi để phù hợp với yêu cầu kinh doanh trong quá trình hoạt động.

Mục 1: CHỦ TỊCH CÔNG TY

Điều 21. Chủ tịch Công ty

1. Chức năng của Chủ tịch Công ty:

a) Chủ tịch Công ty là đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Công ty, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty được giao tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật;

b) Chủ tịch Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu Công ty, của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được quy định tại Điều lệ này, Luật doanh nghiệp và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan;

c) Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty và trước pháp luật về mọi hoạt động của Công ty, về các quyết định của mình gây thiệt hại cho Công ty và cho Chủ sở hữu Công ty, về thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này, Luật doanh nghiệp và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chủ tịch Công ty do Chủ sở hữu Công ty quyết định bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Chủ tịch Công ty có thể được bổ nhiệm lại.

3. Lương, thưởng và lợi ích khác của Chủ tịch Công ty do Chủ sở hữu Công ty quyết định và được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

4. Chủ tịch Công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Công ty được quyền tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài tỉnh trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

5. Các quyết định thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 22, 23, 24 và 25 của Điều lệ này phải được lập thành văn bản, ký tên với chức danh "Chủ tịch Công ty" trong trường hợp Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc.

6. Quyết định của Chủ tịch Công ty có giá trị pháp lý kể từ ngày được ký và đóng dấu với chức danh Chủ tịch Công ty, trừ trường hợp phải được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận.

7. Chủ tịch Công ty làm việc hàng ngày tại Công ty. Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty và được sự chấp thuận của Chủ sở hữu Công ty; các trường hợp khác về ủy quyền thực hiện theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 22. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Công ty

1. Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của Công ty sau khi đề nghị và được Chủ sở hữu Công ty phê

duyet.

2. Chủ tịch Công ty có trách nhiệm gửi Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm cho Chủ sở hữu Công ty để tổng hợp, giám sát.

3. Đề nghị Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc Công ty.

Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Giám đốc Công ty và ý kiến của cấp có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ hiện hành.

4. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, hợp đồng vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 50% vốn điều lệ của Công ty. Ủy quyền Giám đốc quyết định phê duyệt dự án đầu tư, hợp đồng vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị dưới 10% vốn điều lệ của Công ty.

5. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác sau khi đề nghị và được Chủ sở hữu Công ty phê duyệt chủ trương.

6. Ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ sau khi được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận.

7. Quyết định lương đối với các chức danh do mình bổ nhiệm.

8. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của Công ty.

9. Thực hiện sắp xếp, tái cơ cấu, đổi mới doanh nghiệp sau khi Đề án được phê duyệt.

10. Đề nghị Chủ sở hữu Công ty quyết định những vấn đề sau:

a) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc Công ty;

b) Điều chỉnh vốn điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty.

11. Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành Công ty tuân thủ đúng quy định của pháp luật và các quyết định của Chủ sở hữu Công ty; quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; báo cáo kịp thời cho Chủ sở hữu Công ty khi Công ty hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do Chủ sở hữu Công ty giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

12. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật.

Điều 23. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Chủ tịch Công ty

1. Là công dân Việt Nam; thường trú tại Việt Nam.
2. Tốt nghiệp đại học, có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp. Chủ tịch Công ty phải có kinh nghiệm ít nhất 03 năm làm công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành nghề có liên quan đến ngành kinh doanh chính của Công ty.
3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.
4. Không đồng thời là cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp khác.
5. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
6. Không từng là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Giám đốc của các doanh nghiệp nhà nước mà bị cách chức, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.
7. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Miễn nhiệm, thay thế Chủ tịch Công ty

1. Chủ tịch Công ty bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều lệ này;
- b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty;
- d) Theo yêu cầu công tác, do thay đổi về tổ chức hoặc trong các trường hợp: Không đủ sức khỏe hoặc không còn đủ uy tín, điều kiện để giữ chức vụ Chủ tịch Công ty của Công ty;
- d) Khi Công ty không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Chủ sở hữu Công ty giao mà không giải trình được nguyên nhân khách quan và được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận;
- e) Không đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 22 của Điều lệ này.

2. Chủ tịch Công ty được thay thế trong những trường hợp sau đây:

- a) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự pháp luật;
- b) Khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc bố trí công việc khác;

c) Bị miễn nhiệm theo quy định của Khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày xảy ra một trong những trường hợp được nêu tại Khoản 1 Điều này, Chủ tịch Công ty phải kiến nghị Chủ sở hữu Công ty xem xét, quyết định việc tuyển chọn, bổ nhiệm người thay thế.

Điều 25. Nghĩa vụ của Chủ tịch Công ty

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ sở hữu Công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Chủ sở hữu Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Chủ sở hữu Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà mình và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

5. Chấp hành các quyết định của Chủ sở hữu Công ty.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty thực hiện các hành vi quy định tại Khoản 5 Điều 42 Luật doanh nghiệp.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Mục 2: GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 26. Chức năng của Giám đốc Công ty

Giám đốc là người điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các quyết định của Chủ sở hữu Công ty và Chủ tịch Công ty, phù hợp với Điều lệ của Công ty và theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Chủ sở hữu Công ty và Chủ tịch Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Điều 27. Tuyển chọn, bổ nhiệm Giám đốc

1. Giám đốc do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Chủ tịch Công ty. Giám đốc được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với nhiệm kỳ không quá 05 năm.

2. Người được tuyển chọn làm Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

b) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm đảm

nhiệm chức vụ quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Tốt nghiệp đại học trở lên; có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý; có chuyên môn thuộc lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty; có ít nhất 03 năm kinh nghiệm tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty;

d) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

đ) Không phải là người có liên quan của Chủ tịch Công ty, Thành viên Ban Kiểm soát nội bộ, Kế toán trưởng và Thủ quỹ Công ty;

e) Không kiêm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành tại các cơ quan, đơn vị ngoài Công ty;

g) Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm theo quy định pháp luật.

3. Những đối tượng không được tuyển chọn để bổ nhiệm làm Giám đốc:

a) Người từng làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Giám đốc công ty nhà nước nhưng vi phạm kỷ luật đến mức bị cách chức, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn;

b) Thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Thay thế, miễn nhiệm Giám đốc

Chủ sở hữu Công ty xem xét và quyết định miễn nhiệm, thay thế Giám đốc theo đề nghị của Chủ tịch Công ty trong những trường hợp sau đây:

1. Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều lệ này.

2. Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

3. Quyết định vượt thẩm quyền dẫn tới hậu quả nghiêm trọng đối với Công ty.

4. Giám đốc xin từ chức.

5. Khi có quyết định điều chuyển, bố trí công việc khác.

6. Các trường hợp khác theo quy định tại quyết định bổ nhiệm, pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và pháp luật có liên quan.

Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc

1. Về nghĩa vụ:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ tịch Công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà Giám đốc và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;

đ) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;

e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Về quyền hạn:

a) Tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ tịch Công ty;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty;

đ) Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty;

e) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty;

g) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Chủ tịch Công ty;

h) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Tuyển dụng lao động;

k) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ và quyết định bổ nhiệm.

Mục 3: BỘ MÁY GIÚP VIỆC VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 30. Các Phó Giám đốc

1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. Việc ủy quyền có liên quan đến việc ký kết hợp đồng hoặc liên quan tới việc sử dụng con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản, nêu rõ nội dung ủy quyền và thời hạn ủy quyền.

2. Chủ tịch Công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức,

ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc và ý kiến của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ hiện hành

3. Nhiệm kỳ của Phó Giám đốc theo nhiệm kỳ của Giám đốc và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng. Số lượng Phó Giám đốc không quá 03 người. Chủ tịch Công ty quyết định cơ cấu, số lượng Phó Giám đốc theo quy mô và đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Công ty trong quá trình hoạt động.

Điều 31. Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty; đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển Công ty; giúp Giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có các quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

2. Kế toán trưởng do Chủ tịch Công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký hợp đồng chấm chính hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của giám đốc Công ty sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của chủ sở hữu Công ty với thời hạn không quá 05 năm.

3. Tiêu chuẩn tuyển chọn Kế toán trưởng Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

Điều 32. Phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ

1. Các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, thực hiện công việc theo sự phân công của Giám đốc Công ty; chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn đối với các đơn vị thành viên thuộc Công ty theo lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Chủ tịch Công ty quyết định cơ cấu, biên chế, số lượng, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

3. Nhiệm vụ cụ thể của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ được quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Giám đốc Công ty trình Chủ tịch Công ty phê duyệt.

4. Trong quá trình hoạt động, Giám đốc Công ty có quyền đề nghị Chủ tịch Công ty thay đổi cơ cấu, biên chế, số lượng, chức năng và nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ cho phù hợp với nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 33. Kiểm soát nội bộ

1. Công ty có Ban kiểm soát nội bộ do Chủ tịch Công ty quyết định thành lập, trực thuộc Chủ tịch Công ty.

2. Ban kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Công ty trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý, điều hành trong Công ty; kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế, khắc phục các sai sót, rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

3. Chủ tịch Công ty quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện, tiền lương, tiền thưởng, các vấn đề khác có liên quan và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ.

Điều 34. Đơn vị trực thuộc

1. Các đơn vị phụ thuộc không có tư cách pháp nhân; Được Công ty cấp kinh phí hoạt động hàng năm, được giao tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, các dự án đầu tư phát triển và các nguồn lực để thực hiện các nội dung này theo kế hoạch của Công ty; Hạch toán phụ thuộc Công ty; Có cơ cấu tổ chức quản lý, biên chế, mục tiêu, nhiệm vụ hoạt động do Chủ tịch Công ty quyết định theo từng thời kỳ; Chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Công ty. Công ty chịu trách nhiệm cuối cùng về các nghĩa vụ tài chính phát sinh do sự cam kết của các đơn vị này; Chịu sự giám sát của Giám đốc, Phó Giám đốc và các Phòng nghiệp vụ chuyên môn của Công ty và Chủ tịch Công ty quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc sau khi được sự chấp thuận của Chủ sở hữu Công ty.

2. Trong quá trình hoạt động, tùy theo yêu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh, Chủ tịch Công ty trình Chủ sở hữu Công ty xem xét quyết định thành lập các đơn vị trực thuộc để tổ chức triển khai nhiệm vụ được giao.

3. Quyền hạn, nhiệm vụ của các đơn vị phụ thuộc được cụ thể hóa trong Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Mục 4: CÁC MỐI QUAN HỆ

Điều 35. Quan hệ giữa Chủ tịch Công ty và Giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ tịch Công ty nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc báo cáo với Chủ tịch Công ty để xem xét điều chỉnh lại quyết định. Trường hợp Chủ tịch Công ty không điều chỉnh lại quyết định thì Giám đốc có thể báo cáo Chủ sở hữu Công ty, nhưng vẫn phải thực hiện quyết định của Chủ tịch Công ty.

2. Giám đốc lập và gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Chủ tịch Công ty; có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch Công ty.

3. Giám đốc phải mời Chủ tịch Công ty hoặc người được Chủ tịch Công ty ủy quyền tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các báo cáo, đề án

trình Chủ tịch Công ty hoặc trình Chủ sở hữu Công ty do Giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung có liên quan. Chủ tịch Công ty hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

Điều 36. Mối quan hệ giữa Kiểm soát viên, Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty

1. Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty được Chủ sở hữu Công ty thông báo đầy đủ, kịp thời về việc bổ nhiệm Kiểm soát viên, chế độ hoạt động và nội dung nhiệm vụ của Kiểm soát viên tại Công ty.

2. Trường hợp Kiểm soát viên có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được Chủ sở hữu Công ty giao, Chủ tịch Công ty có quyền báo cáo Chủ sở hữu Công ty và thông báo cho Kiểm soát viên biết. Sau khi nhận được báo cáo của Chủ tịch Công ty, Chủ sở hữu Công ty có trách nhiệm xem xét, kết luận và đưa ra biện pháp xử lý kịp thời.

3. Chủ tịch Công ty (hoặc Giám đốc Công ty) phải gửi thông tin đến Kiểm soát viên cùng một thời điểm và cùng phương thức khi gửi thông tin đến Giám đốc Công ty (hoặc Chủ tịch Công ty) đối với các nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên.

4. Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty và người quản lý khác của Công ty phải đảm bảo để Kiểm soát viên thực hiện các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ này; tạo điều kiện về cơ sở vật chất và điều kiện khác cho Kiểm soát viên tham gia các cuộc họp, tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao tại Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên phải gửi các báo cáo thuộc trách nhiệm được giao đến Chủ sở hữu Công ty và Chủ tịch Công ty trừ trường hợp có quy định khác của Chủ sở hữu. Trường hợp Chủ tịch Công ty có ý kiến khác Kiểm soát viên thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Chủ sở hữu Công ty có trách nhiệm trả lời đối với những vấn đề có ý kiến khác biệt.

Điều 37. Hợp đồng, giao dịch với những người có liên quan

1. Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty:

a) Không được để vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh Kế toán trưởng, Thủ quỹ của Công ty;

b) Báo cáo Chủ sở hữu Công ty về các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty ký kết với vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty. Trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty không được ký kết hợp đồng đó. Nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty phải bồi thường thiệt hại cho Công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các trường hợp khác thực hiện theo Điều 75 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Chủ sở hữu Công ty (nếu có).

Mục 5: NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 38. Hình thức tham gia quản lý của người lao động

Người lao động tham gia quản lý Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu người lao động Công ty.
2. Tổ chức Công đoàn Công ty.
3. Ban Thanh tra nhân dân.
4. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Nội dung tham gia quản lý Công ty của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế nội bộ Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;

b) Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết;

c) Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiết kiệm nguyên vật liệu, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động;

d) Phương án tổ chức lại, chuyển đổi Công ty;

đ) Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành Công ty khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật;

e) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tập thể người lao động trong Công ty có quyền tham gia giám sát:

a) Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động;

b) Việc thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ của Công ty; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động;

c) Việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp;

d) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm.

3. Hàng năm, Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Chủ tịch Công ty đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Công ty và những vấn đề

khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

Điều 40. Quan hệ lao động trong Công ty

1. Quan hệ giữa Công ty và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Giám đốc lập kế hoạch để Chủ tịch Công ty thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong Công ty cũng như mối quan hệ giữa Công ty với các tổ chức Công đoàn của người lao động.

2. Hằng năm, người quản lý Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động trong Công ty để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Chủ tịch Công ty đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

3. Trường hợp Công ty có lao động dôi dư do sắp xếp lại sản xuất, kinh doanh thì việc giải quyết chế độ đối với lao động dôi dư theo các quy định của pháp luật.

Chương V

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY

Điều 41. Vốn điều lệ của Công ty

1. Vốn điều lệ của Công ty được ghi tại Điều 5 của Điều lệ này.

2. Trong quá trình hoạt động, vốn điều lệ của Công ty có thể tăng lên từ các nguồn sau:

- a) Quỹ đầu tư phát triển;
- b) Các nguồn bổ sung khác (nếu có).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tăng vốn điều lệ đối với Công ty, căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và mở rộng quy mô, hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc thù hoạt động của Công ty. Mức vốn điều lệ điều chỉnh tăng thêm được xác định tối thiểu cho 03 năm kể từ năm quyết định điều chỉnh vốn điều lệ.

4. Trường hợp tăng vốn điều lệ, Công ty phải tiến hành công bố và làm thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ trong Điều lệ này theo quy định của pháp luật.

5. Đối với vốn Chủ sở hữu đã cam kết bổ sung cho Công ty thì Chủ sở hữu Công ty có trách nhiệm đầu tư đủ vốn, đúng thời hạn đã cam kết.

Điều 42. Quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận của Công ty

1. Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật, được cụ thể trong Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

2. Nội dung Quy chế quản lý tài chính của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc quản lý tài chính đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu Nhà nước. Chủ tịch Công ty có trách nhiệm cụ thể hóa Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

3. Quy chế quản lý tài chính tối thiểu phải có các nội dung sau:

- a) Cơ chế quản lý, bảo toàn, huy động và sử dụng vốn;
- b) Cơ chế quản lý, đầu tư, xây dựng, mua sắm và sử dụng tài sản;
- c) Cơ chế quản lý doanh thu, chi phí, giá thành, lợi nhuận và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty;
- d) Cơ chế phân phối lợi nhuận; các quỹ và sử dụng các quỹ của Công ty;
- đ) Cơ chế quản lý kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán;
- e) Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ sở hữu Công ty, Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty trong việc giám sát, quản lý tài chính Công ty.

Điều 43. Tài chính, kế toán, kiểm toán

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 dương lịch và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch cùng năm.

2. Trước ngày 31 tháng 7 hằng năm, Giám đốc trình Chủ tịch Công ty phê duyệt kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính năm kế tiếp của Công ty theo quy định hiện hành. Chủ tịch Công ty có trách nhiệm gửi kế hoạch kinh doanh, tài chính và kế hoạch đầu tư phát triển hằng năm của Công ty đến Sở Tài chính để tổng hợp, làm căn cứ giúp Chủ sở hữu Công ty thực hiện giám sát, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Công ty thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

4. Công ty tổ chức và chỉ đạo thực hiện:

a) Công tác kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật. Mục tiêu kiểm toán nội bộ nhằm phục vụ cho công tác điều hành của Giám đốc và công tác kiểm tra, giám sát của Chủ sở hữu Công ty và của Chủ tịch Công ty;

b) Kiểm toán bắt buộc theo quy định của pháp luật đối với báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và báo cáo quyết toán các dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐẦU TƯ VỐN TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN GÓP CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 44. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty

1. Công ty được quyền sử dụng tài sản (gồm tiền, tài sản cố định, tài sản lưu động và các tài sản khác) thuộc quyền quản lý của Công ty để đầu tư vốn ra ngoài Công ty. Việc đầu tư vốn ra ngoài Công ty liên quan đến đất đai phải tuân thủ các

quy định của pháp luật về đất đai.

2. Việc đầu tư vốn ra ngoài Công ty phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Công ty, không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của Công ty được chủ sở hữu giao và đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư.

3. Công ty chỉ được đầu tư vốn ra ngoài Công ty vào các hoạt động trong các lĩnh vực thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty. Tổng mức đầu tư vốn ra ngoài Công ty (gồm đầu tư ngắn hạn và dài hạn) không vượt quá mức vốn điều lệ của Công ty theo quy định của pháp luật.

4. Công ty không được tham gia góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp này là vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị em ruột; bố mẹ của vợ (*chồng*), anh chị em ruột của vợ (*chồng*) của Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.

5. Việc đầu tư vốn ra ngoài Công ty thực hiện theo các hình thức do pháp luật quy định. Thẩm quyền quyết định đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.

6. Ngoài các trường hợp không được góp vốn theo quy định tại Khoản 4 Điều này, doanh nghiệp do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, đơn vị hạch toán phụ thuộc không được góp vốn cùng Công ty để thành lập doanh nghiệp mới.

Điều 45. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty làm chủ sở hữu.

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Công ty là chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc Công ty. Chủ sở hữu Công ty thực hiện các quyền của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cụ thể như sau:

a) Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản sau khi được Chủ sở hữu Công ty phê duyệt;

b) Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ;

c) Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của công ty; quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ công ty cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật sau khi được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận;

d) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch công ty, Giám đốc, Kiểm soát viên của công ty; chấp thuận đề Chủ tịch công ty bổ nhiệm Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty theo đề nghị của Giám đốc;

d) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của công ty;

e) Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của công ty;

g) Phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của công ty;

h) Các quyền khác theo quy định của chủ sở hữu và quy định tại Điều lệ của Công ty.

3. Chủ sở hữu Công ty thực hiện các nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

a) Góp vốn đầy đủ và đúng hạn như cam kết; trường hợp không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi vốn cam kết;

b) Tuân thủ Điều lệ của công ty;

c) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi vốn điều lệ của công ty; xác định và tách biệt tài sản của Công ty với tài sản của công ty;

d) Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty với Công ty;

đ) Tuân thủ pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay của công ty;

e) Bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của công ty;

g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với công ty liên kết

1. Công ty liên kết với Công ty là các doanh nghiệp mà Công ty có vốn góp không chi phối trong vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó.

2. Chủ sở hữu Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm chủ sở hữu của cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại công ty liên kết theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty đó.

3. Chủ sở hữu Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh thông qua Người đại diện phần vốn của Công ty ở công ty như sau:

a) Yêu cầu Người đại diện xin ý kiến Công ty về những vấn đề quan trọng sau

đây trước khi quyết định tại công ty liên kết theo đề nghị của Giám đốc:

- Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;

- Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ của công ty;

- Tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

- Đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát;

- Đề cử đề bổ nhiệm, kiến nghị miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (hoặc Phó Giám đốc), Kế toán trưởng công ty;

- Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (hoặc Phó Giám đốc), Kế toán trưởng công ty;

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó Tổng giám đốc (hoặc Phó Giám đốc) công ty;

- Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của công ty;

- Chủ trương thành lập công ty con; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện;

- Chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của công ty;

- Báo cáo tài chính hằng năm, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hằng năm của công ty.

b) Yêu cầu Người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của công ty con.

4. Công ty liên kết có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty liên kết.

Điều 47. Người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác

1. Người đại diện do Chủ tịch Công ty chỉ định, bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế; nhiệm kỳ của người đại diện không quá 05 năm và phù hợp với nhiệm kỳ của Chủ tịch công ty hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn góp của Công ty. Trường hợp cử nhiều Người đại diện của Công ty tại một doanh nghiệp thì phải quy định cụ thể tỷ lệ đại diện cho từng Người đại diện và phân công Người đại diện phụ trách chung trong nhóm Người đại diện.

Người đại diện có thể được bổ nhiệm lại.

Trường hợp không cử Người đại diện thì Chủ tịch Công ty là người trực tiếp thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn của Công ty tại doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

2. Người đại diện của Công ty phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, là viên chức của Công ty;
- b) Có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có sức khỏe để đảm đương công việc; có uy tín đối với doanh nghiệp có vốn góp của Công ty;
- c) Hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;
- d) Tốt nghiệp đại học chuyên ngành kinh tế - tài chính hoặc lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp mà Công ty có vốn góp; có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;
- đ) Không là vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của những người trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (*Giám đốc*), Kế toán trưởng của doanh nghiệp có vốn góp của Công ty mà người đó được giao làm Người đại diện phần vốn góp;
- e) Không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua, bán với doanh nghiệp có vốn góp của Công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp, trừ trường hợp có cổ phần ở công ty được cổ phần hóa;
- g) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý doanh nghiệp.
- h) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (*Giám đốc*) của doanh nghiệp có vốn góp của Công ty phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp đó.

4. Tiền lương, thưởng và quyền lợi của Người đại diện:

a) Người đại diện hưởng chế độ thù lao, lương, thưởng, phụ cấp trách nhiệm theo quyết định của Chủ tịch Công ty đối với từng trường hợp cụ thể, căn cứ vào hiệu quả quản lý của Người đại diện. Việc đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động của Người đại diện thực hiện theo Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Công ty ở doanh nghiệp khác; việc trả lương, thưởng hoặc thù lao, phụ cấp thực hiện theo Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Tiền lương, thưởng và quyền lợi của Người đại diện trong các trường hợp:

- Người đại diện phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác là thành viên chuyên trách trong ban quản lý, điều hành hoặc là người lao động của doanh nghiệp khác được hưởng lương, phụ cấp trách nhiệm (*nếu có*), tiền thưởng và các quyền lợi

khác theo quy định tại Điều lệ doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp đó trả. Ngoài ra còn được hưởng tiền phụ cấp Người đại diện do Công ty chi trả theo quy định. Nguồn phụ cấp Người đại diện được lấy từ lợi nhuận được chia từ vốn đầu tư góp vào doanh nghiệp khác;

- Người đại diện là thành viên kiêm nhiệm không tham gia chuyên trách trong ban quản lý, điều hành doanh nghiệp khác thì tiền lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy định do Công ty chi trả. Ngoài ra còn được hưởng tiền phụ cấp người đại diện do Công ty chi trả theo quy định;

Trường hợp Người đại diện được các doanh nghiệp khác trả thù lao thì Người đại diện có trách nhiệm nộp các khoản thù lao trên cho Công ty.

c) Khi được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi theo quyết định của công ty cổ phần có cổ phần của Công ty (trừ trường hợp được mua theo quyền của cổ đông hiện hữu) thì Người đại diện phải báo cáo bằng văn bản cho Công ty. Công ty quyết định bằng văn bản số lượng cổ phần Người đại diện được mua theo mức độ đóng góp và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện. Phần còn lại thuộc quyền mua của Công ty;

Trường hợp được cử làm đại diện phần vốn đầu tư tại nhiều doanh nghiệp thì Người đại diện được ưu tiên lựa chọn thực hiện quyền mua tại một đơn vị và có trách nhiệm chuyển phần quyền mua cổ phần ở các doanh nghiệp còn lại cho Công ty;

Trường hợp Người đại diện không báo cáo về việc được quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi tại công ty cổ phần có cổ phần của Công ty thì bị xem xét miễn nhiệm tư cách Người đại diện và phải chuyển nhượng lại cho Công ty số cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi được mua trái với quy định theo giá được mua tại thời điểm phát hành. Trường hợp Người đại diện đã bán cổ phiếu này thì phải nộp lại cho Công ty phần chênh lệch giữa giá bán cổ phiếu theo giá thị trường tại thời điểm bán với giá mua và chi phí (nếu có);

d) Người đại diện có nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Quy chế quản lý Người đại diện phần vốn của Công ty đã được phê duyệt; trường hợp Người đại diện vi phạm quy chế, nội dung thỏa thuận làm tổn hại đến lợi ích của Nhà nước, của Công ty thì Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty có quyền xử lý kỷ luật; trường hợp vi phạm nghiêm trọng đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VII

TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 48. Tổ chức lại Công ty

1. Công ty có thể được tổ chức lại theo các hình thức: Sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Khi tổ chức lại, Công ty có nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Điều 49. Chuyển đổi sở hữu Công ty

1. Công ty thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu theo quyết định của Chủ sở hữu Công ty dưới các hình thức được pháp luật quy định.
2. Trình tự, thủ tục chuyển đổi Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức chuyển đổi.

Điều 50. Giải thể Công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Bị thu hồi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - c) Kinh doanh thua lỗ 03 năm liên tiếp và có số lũy kế bằng 3/4 vốn nhà nước tại Công ty trở lên, nhưng chưa lâm vào tình trạng phá sản;
 - d) Không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước giao trong thời gian 02 năm liên tiếp sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết;
 - đ) Việc duy trì Công ty là không cần thiết.
2. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 51. Phá sản Công ty

1. Khi chủ nợ có yêu cầu thanh toán nợ đến hạn phải trả mà Công ty lâm vào tình trạng không có khả năng thanh toán được thì Giám đốc Công ty phải nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Công ty.
2. Công ty tiến hành các thủ tục phá sản theo quy định của Luật phá sản.

Chương VIII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 52. Trách nhiệm báo cáo và thông tin

1. Giám đốc có trách nhiệm gửi Chủ tịch Công ty những tài liệu sau đây theo định kỳ hàng quý:
 - a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty và các báo cáo khác theo quy định.
2. Chủ tịch Công ty có quyền yêu cầu Giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty.
3. Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Công ty.

Điều 53. Báo cáo và thông tin cho Chủ sở hữu Công ty

1. Chủ tịch Công ty lập và gửi Chủ sở hữu Công ty những tài liệu sau đây:
 - a) Báo cáo về tình hình kinh doanh và tài chính của Công ty;
 - b) Báo cáo về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty;
 - c) Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.
2. Các báo cáo định kỳ được lập và trình hàng quý. Báo cáo đột xuất được lập và gửi theo yêu cầu của Chủ sở hữu Công ty trong từng trường hợp.

Điều 54. Công khai thông tin

1. Giám đốc Công ty quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra bên ngoài Công ty. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Giám đốc hoặc người được Giám đốc Công ty ủy quyền.
2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.
3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Chương IX SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 55. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Điều lệ của Công ty được sửa đổi, bổ sung khi luật pháp hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khác với quy định có liên quan trong Điều lệ này, hoặc trong trường hợp Chủ tịch Công ty thấy cần phải bổ sung, sửa đổi hoặc do Chủ sở hữu yêu cầu. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty do Chủ tịch Công ty trình Chủ sở hữu Công ty quyết định.

Điều 56. Quản lý con dấu của Công ty

1. Chủ tịch Công ty quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty. Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.
2. Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 57. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Việc giải quyết tranh chấp nội bộ Công ty được thực hiện trên nguyên tắc hòa giải và căn cứ theo quy định tại Điều lệ này.
2. Trường hợp giải quyết tranh chấp theo Điều lệ này không được các bên

chấp thuận, thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa ra các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Chương X **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 58. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ sở hữu Công ty phê duyệt.

Điều 59. Phạm vi thi hành

1. Chủ sở hữu Công ty, các đơn vị và cá nhân liên quan thuộc Công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.

2. Các quy chế nội bộ của Công ty do Giám đốc ban hành phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này.

3. Các đơn vị trực thuộc của Công ty căn cứ vào các quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của mình và Điều lệ này để xây dựng Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của mình trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc của Công ty không được trái với Điều lệ này.

4. Trong trường hợp các quy định của pháp luật hiện hành thay đổi dẫn đến mâu thuẫn với những quy định tại Điều lệ này thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật./.

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC CÔNG TY VÀ
DOANH NGHIỆP DO CÔNG TY NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ

*(Ban hành kèm theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH
MTV Lâm nghiệp Đắk Hà tại Quyết định số 1193/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

1. Lâm trường Sê San.
2. Lâm trường Ia Dom.